

Bản án số: 155/2022/HC-PT

Ngày: 09/6/2022

*V/v “Yêu cầu hủy QĐHC
và QĐ giải quyết khiếu nại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn.

Ông Nguyễn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 44/2022/TLPT-HC ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “*Yêu cầu hủy quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1686/2022/QĐ-PT ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Lê Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: 404/28/10 đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967 và bà Hồ Lê Hoàng N2, sinh năm 1997; địa chỉ: 582/1 đường H1, quận H2, thành phố Đà Nẵng. (Giấy ủy quyền được Văn phòng công chứng N3 công chứng ngày 29/3/2022). Bà Hường có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại D - Phó Chủ tịch UBND thành phố N; địa chỉ: 42 Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Khánh N2 - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N. Có mặt

2. Ông Nguyễn Hữu T1 – Nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã P1, thành phố N. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày, biên bản đối thoại và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 2018, bà Lê Thị T có mua thửa đất số 71, tờ bản đồ số 40 tại thôn Phước Lợi, xã P1, thành phố N của ông Nguyễn Minh P2 và bà Nguyễn Thị Kim Q với diện tích 8.455,8m² được cấp giấy chứng nhận số CH 04692/22405 ngày 20/04/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố N (sau đây gọi là UBND thành phố N) cấp cho ông P2 và bà Q (được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP. N chỉnh lý sang tên cho bà Lê Thị T ngày 31/07/2018). Khi bà T mua lại thửa đất trên của ông P2, bà Q thì trên mảnh đất không có cây trồng nào khác. Trong quá trình sử dụng đất bà Lê Thị T có san gạt lại mặt bằng và cải tạo lại đất nhằm mục đích thuận lợi hơn trong quá trình canh tác, để đạt hiệu quả cao nhất trong việc sử dụng đất.

Do thiếu hiểu biết về nguồn gốc sử dụng đất, mục đích sử dụng đất do nhà nước quy định nên vào ngày 04/10/2018 bà Lê Thị T bị Chủ tịch UBND thành phố N ra Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Lê Thị T (sau đây gọi là Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC) về hành vi “*Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp*”. Ngày 26/04/2019, UBND thành phố N ra Quyết định số 961/QĐ-UBND về việc “*Thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 04692/22405 ngày 20/04/2015 do UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Minh P2 và bà Nguyễn Thị Kim Q*” (được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai TP. N chỉnh lý sang tên cho bà Lê Thị T ngày 31/07/2018) (sau đây gọi là Quyết định số 961/QĐ-UBND).

Bà T không đồng ý với hai quyết định trên vì những lý do sau:

Thứ nhất: Việc Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC là không đúng theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Vào hồi 09 giờ ngày 01/10/2018, tại thôn Phước Lợi, xã P1, TP. N, bà Lê Thị T bị ông Nguyễn Minh T3 - chức vụ Công chức Địa chính xã P1 đã lập biên bản về hành vi vi phạm hành chính. Cũng vào ngày 01/10/2018, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 9504/TTr-TNMT đề nghị Chủ tịch UBND thành phố N xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T. Tại mục số (12) của biên bản vi phạm hành chính có nội dung như sau “*Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này bà Lê Thị T có quyền gửi văn yêu cầu để được giải trình trực tiếp*”. Tuy nhiên, chưa hết thời hạn giải trình thì vào ngày 04/10/2018, Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC để xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T là không đúng. Theo quy định tại Điều 61 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì “...*Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không có yêu cầu giải trình...*”. Theo quy định tại Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì nội dung quyết định xử phạt vi phạm hành chính gồm có “*Biên bản vi phạm hành chính, kết quả xác minh, văn bản giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc biên bản họp giải trình và tài liệu khác*”. Nhưng Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND TP. N không đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Thứ hai: Việc ra Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N là không đủ cơ sở vì những lý do sau: UBND thành phố N ban hành quyết định này dựa trên Văn bản số 1292/UBND ngày 25/4/2019 của UBND xã P1 về việc xác minh các trường hợp vi phạm và Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC nhưng cả hai văn bản này không đúng theo trình tự về mặt hình thức như đã nêu ở trên.

Từ những nội dung đã trình bày, bà Lê Thị T đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC ngày 04/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Lê Thị T và Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692/22405 ngày 20/4/2015 của bà Lê Thị T.

Tại đơn khởi kiện bổ sung của bà Lê Thị T ghi ngày 07/7/2021, Tòa án nhận ngày 08/7/2021, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 3196/QĐ/UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc bác đơn khiếu nại của bà T đối với Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/04/2019 của UBND thành phố N nêu trên.

Tại văn bản số 2695/UBND-TNMT ngày 04/5/2021, người bị kiện UBND thành phố N và Chủ tịch UBND thành phố N trình bày:

- Bà Lê Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ 40, diện tích 8.455,8m² tại xã P1, thành phố N (được UBND thành phố N cấp cho ông Nguyễn Minh P2 và bà Nguyễn Thị Kim Q ngày 20/4/2015 (được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP. N chỉnh lý sang tên ngày 31/7/2018), với mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất. Trong quá trình sử dụng, bà Lê Thị T đã sử dụng đất không đúng mục đích, bị UBND xã P1 phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi đã tự ý chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp (xây dựng nhà ở) không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Cụ thể, ngày 01/10/2018, UBND xã P1 tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 0000714/BB-VPHC đối với bà Lê Thị T về hành vi vi phạm hành chính: Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp (xây dựng nhà ở) không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, với diện tích 58m² tại thửa đất số 71, tờ bản đồ 40, thôn Phước Lợi, xã P1 là vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và có Tờ trình số 1931/TTr-UBND chuyển hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính của bà Lê Thị T đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N (do mức phạt tiền 15.000.000 đồng vượt quá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch UBND xã P1).

Ngày 01/10/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 9504/TTr-TNMT trình Chủ tịch UBND thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị T. Ngày 04/10/2018, Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Lê Thị T về hành vi trên, với số tiền phạt 15 triệu đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm. Bà Lê Thị T đã chấp hành nộp tiền phạt (theo Biên lai thu số 0011374 ngày 22/10/2018) nhưng không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định (Biên bản giao nhận quyết định ngày 15/10/2018).

Như vậy, việc bà Lê Thị T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ 40, với mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất nhưng không sử dụng đất theo đúng mục đích mà tự ý thi công xây dựng công trình nhà ở khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố N xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị T tại Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC là đúng quy định của pháp luật.

Về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692/22405 ngày 20/4/2015 của bà

Lê Thị T là do bà T vi phạm pháp luật đất đai về hành vi hủy hoại đất. Theo kết quả đo đạc thực tế tại Mảnh trích đo địa chính số 03/2019 do Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Thành Lợi xác lập được UBND xã P1 xác nhận thì thửa đất số 71, tờ bản đồ 40 đã san gạt là 8.375,6m² (có 1.016,1m² đất làm đường bê tông).

Do bà Lê Thị T nhận chuyển nhượng đất rừng sản xuất tại thửa đất trên nhưng sử dụng đất không đúng mục đích mà tự ý san gạt mặt bằng, làm đường bê tông không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, đã làm biến dạng địa hình là vi phạm pháp luật đất đai về hành vi hủy hoại đất với diện tích lớn; đồng thời xây dựng công trình trái phép có dấu hiệu phân lô, bán nền trên đất rừng sản xuất. Hành vi vi phạm hành chính của bà Lê Thị T là hết sức nghiêm trọng ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường và không thể khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm.

Tuy nhiên, trước đây hành vi hủy hoại đất làm biến dạng địa hình không thuộc trường hợp bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ, nhưng thuộc trường hợp bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013, phải thu hồi đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 và được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 66 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (Sở Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn tại Công văn số 942/STNMT-CCQLĐĐ ngày 15/3/2017).

Căn cứ các quy định trên, UBND xã P1 đã xác định việc bà Lê Thị T san gạt mặt bằng làm đường bê tông tại thửa đất trên đã làm biến dạng địa hình là hành vi hủy hoại đất (theo Công văn số 1292/UBND ngày 25/4/2019) và Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND xã P1 tiến hành kiểm tra thực địa và lập biên bản xác định hành vi vi phạm pháp luật đất đai ngày 25/4/2019 đối với bà Lê Thị T về hành vi hủy hoại tại thửa đất số 71, tờ bản đồ 40 xã P1. Ngày 25/4/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 3528/TNMT tham mưu UBND thành phố N thu hồi thửa đất trên của bà T.

Như vậy, việc UBND thành phố N ban hành Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với bà Lê Thị T (theo Giấy chứng nhận đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai N chỉnh lý sang tên ngày 31/7/2018) là thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định.

Với nội dung vụ án được xác định như trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 158, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 1 điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 8186/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Lê Thị T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692/22405 ngày 20/4/2015 của bà Lê Thị T và hủy Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn Quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 26/01/2022, Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố N (Sau đây viết tắt là Người bị kiện) kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T (Sau đây viết tắt là Người khởi kiện) về việc hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692/22405 ngày 20/4/2015 của bà Lê Thị T và hủy Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; Người bị kiện không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu như trên; Người bảo vệ quyền lợi cho Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người bị kiện; Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người bị kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai

đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện đồng thời là Người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; Người đại diện theo ủy quyền của Người khởi kiện, Người bảo vệ quyền lợi cho Người bị kiện có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của Người bị kiện đề nghị: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692/22405 ngày 20/4/2015 của bà Lê Thị T và hủy Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T thì thấy:

[2.1]. Các bên đều thừa nhận: thửa đất số 71, tờ bản đồ 40, diện tích 8.455,8m² tại xã P1, thành phố N được UBND thành phố N cấp Giấy CNQSD đất cho ông Nguyễn Minh P2 và bà Nguyễn Thị Kim Q ngày 20/4/2015; ngày 31/7/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP N chính lý sang tên cho bà Lê Thị T (bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh P2 và bà Nguyễn Thị Kim Q), với mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất.

Ngày 01/10/2018, UBND xã P1 tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 0000714/BB-VPHC đối với bà Lê Thị T về hành vi vi phạm hành chính: Tự ý chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp (xây dựng nhà ở) không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, với diện tích 58m². Ngày 01/10/2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N có Tờ trình số 9504/TTr-TNMT trình Chủ tịch UBND thành phố N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị T. Ngày 04/10/2018, Chủ tịch UBND thành phố N đã ban hành Quyết định số 8186/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Lê Thị T về hành vi trên, với số tiền phạt 15 triệu đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm. Bà Lê Thị T đã chấp hành nộp tiền phạt (theo Biên lai thu số 0011374 ngày 22/10/2018).

[2.2]. Ngày 25/4/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N tiếp tục lập Biên bản xác định hành vi vi phạm cũng có nội dung: Vị trí san gạt mặt bằng trái phép tại thửa đất số 71 tờ bản đồ số 40 với diện tích 58m². Căn cứ Biên bản xác định hành vi vi phạm Luật đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N tham mưu cho UBND thành phố N ban hành quyết định thu

hồi đất. Như vậy, cùng một hành vi vi phạm trên diện tích 58m², bà T đã hai lần bị xử lý vi phạm (một lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, một lần bị xử lý vi phạm về hành vi hủy hoại đất) là không đúng với nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[2.3]. Bản án sơ thẩm nhận định: “Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692/22405 ngày 20/4/2015 của bà Lê Thị T được ban hành trên cơ sở Biên bản xác định hành vi vi phạm do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N lập ngày 25/4/2019. Tuy nhiên, tại Biên bản xác định hành vi vi phạm này cũng chỉ ghi nhận vị trí san gạt mặt bằng với diện tích vi phạm là 58m². UBND thành phố N ra quyết định thu hồi toàn bộ thửa đất của bà T với diện tích 8.455,8m² là không đúng tính chất, mức độ của hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 5 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

Do đó, UBND thành phố N ra Quyết định thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 đối với bà Lê Thị T là không đúng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N là có cơ sở để chấp nhận”.

Bản án sơ thẩm cũng nhận định: “Do Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N bị bà T khiếu nại và ngày 01/6/2020 Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 có nội dung bác khiếu nại của bà T. Tuy nhiên, như nhận định ở trên, Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N là không đúng quy định của pháp luật, nên Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N bác khiếu nại của bà T cũng không đúng. Do đó, yêu cầu của bà T về việc hủy Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N là có cơ sở chấp nhận”.

Nhận định của Bản án sơ thẩm được trích dẫn ở trên là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và cũng đúng với các quy định tại: điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 25 Điều 3 Luật đất đai năm 2013 và điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

[3]. Từ những phân tích trên, có căn cứ để khẳng định: Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HCST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, hủy Quyết định số

961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692/22405 ngày 20/4/2015 của bà Lê Thị T và hủy Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, người bị kiện – Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố N kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố N; giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HCST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

[4]. Do bị bác đơn kháng cáo nên, Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HCST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Áp dụng: điểm b khoản 1 điều 143 Luật Tổ tụng hành chính; điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 25 Điều 3 Luật đất đai năm 2013.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 8186/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố N về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Lê Thị T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Hủy Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND thành phố N về việc thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH04692/22405 ngày 20/4/2015 của bà Lê Thị T và hủy Quyết định số 3196/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của Chủ tịch UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị T.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố N mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại các biên lai số 0009838 và số 0009837 cùng ngày 15/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

4. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HCST ngày 14/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến